**Tiết 34, 35 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Kiến thức về từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

- Cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

***2. Năng lực:*** Giúp học sinh:

- Nhận biết các loại từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

-Nhận biết cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

***3. Phẩm chất:***

- Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách đặt câu của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Máy tính, máy chiếu, SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.
* Phiếu học tập.
* Bảng kiểm.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **Hoạt động 1: Xác định vấn đề** |
| **a) Mục tiêu: -**Tạo tâm thế hứng khởi cho HS.  -HS xác định được mục tiêu của bài học.  **b) Nội dung**: GV tổ chức trò chơi “TRÒ CHƠI CƯỚP CỜ” thời gian 3 phút., GV đặt câu hỏi.  **c) Sản phẩm:** Ý kiến phản hồi của HS dưới sự dẫn dắt của GV  **d) Tổ chức thực hiện:** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Giáo viên chuẩn bị nhiều thẻ từ khóa bày ra. Học sinh chia làm nhiều đội. Giáo viên đọc câu hỏi và phát hiệu lệnh. Đại diện các đội chạy lên cướp từ khóa là đáp án của câu hỏi. Sau một số câu hỏi nhất định đội nào có nhiều thẻ đáp án nhất thì đội đó thắng.  **Câu 1**: Em hãy điền vào chỗ trống: “Trẻ em như ……………../Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan”.  **Câu 2:** Em hãy tìm 1 từ láy để miêu tả hình dáng con đường trong bức tranh?  **Câu 3:** Em hãy cho biết từ ngữ nào xuất hiện nhiều nhất trong đoạn văn:  “Quê hương em đẹp biết bao, nơi đây có đồng lúa chín vàng, những cánh cò trắng là là bay. Các cô bác nông dân chăm chỉ làm việc quanh năm suốt tháng. Những đứa trẻ mục đồng thổi sao trên lưng trâu. Dòng sông thơ mộng chảy quanh. Em gọi to: Quê hương! Quê hương ơi!!! Phải, quê hương, nơi chúng ta sinh ra và lớn lên, đã cho ta tiếng khóc từ khi chào đời. Để cho quê hương giàu đẹp hơn, ta cần phải học tập, rèn luyện thật tốt để xây dựng quê hương.”  ? Nêu yêu cầu cần đạt của bài học.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Đọc và thực hiên yêu cầu.   * GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.   **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:-Trình bày kết quả làm việc.  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.HS nêu lại yêu cầu cần đạt của tiết học. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** |

|  |
| --- |
| 1. **TRI THỨC TIẾNG VIÊT** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được từ láy.  - Hiểu và phân biệt được nghĩa của “phồn hoa” & “phồn vinh”, “bút hoa”, “sẵn” trong câu “ Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn”. Từ đó thấy được sáng tạo trong việc sử dụng từ.  - Nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa trong các văn bản đã học trước đó.  - HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh, điệp ngữ  **b) Nội dung**: GV hướng dẫn HS trả lời, làm việc nhóm và làm việc cá nhân. GV hỏi, HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm của nhóm, **c**âu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ?Các từ láy: đăm đăm, mếu máo, lêu xiêu có đặc điểm âm thanh gì giống và khác nhau?  ?Dựa vào phân tích trên, hãy phân loại từ láy và nêu đặc điểm của từng loại? Lấy VD về mỗi loại từ láy?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:- Đọc phần VD.   * HS quan sát ví dụ trên máy chiếu. Hòan thành các câu hỏi   **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:- Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:-Trình bày kết quả làm việc.  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang nội dung mới. | **1. Từ láy**  Có 2 loại từ láy:  **-**Từ láy toàn bộ:các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn  VD: đăm đăm, quanh quanh,…  -Từ láy bộ phận:giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần  VD mếu máo, liêu xiêu… | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gọi HS đọc 1 số VD  (1)Tập quán: thói quen của 1 cộng đồng được hình thành từ lâu trong đời sống và được mọi người làm theo  (2)Lẩm liệt: hùng dũng, oai nghiêm  (3)Nao núng: lung lay, không vững lòng tin   * **Các chú thích trên nằm ở văn bản nào?** **(Tích hợp ngang)** * Mỗi chú thích trên gồm mấy bộ phận? * Bộ phận nào nêu lên nghĩa của từ? * Nghĩa của từ ứng với mô hình nào? HS thảo luận   Hình thức  Nội dung  **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**  HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi với bạn.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **2. Nghĩa của từ ngữ**  **-** Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, quan hệ hoạt động ...) mà từ biểu thị.  VD: Nao núng: lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa. | |
| **\* So sánh**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Hs theo dõi ví dụ trên máy chiếu.  - Những tập hợp từ nào chứa hình ảnh so sánh?  - Những sự vật, sự việc nào được so sánh với nhau?  - Dựa vào cơ sở nào để có thể so sánh như vậy?  - So sánh như thế nhằm mục đích gì? (Hãy so sánh với câu không dùng phép so sánh)  **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**  Hs thực hiện nhiệm vụ học tập.  GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần)  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  **\* Điệp ngữ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs theo dõi ví dụ trên máy chiếu.  ? Chỉ ra những từ ngữ được lặp lại?  ? Qua VD hãy chỉ rõ ra thế nào là điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ?  **B2. Thực hiện nhiêm vụ:**  Hs thực hiện nhiệm vụ học tập.  GV theo dõi, quan sát hỗ trợ HS (nếu cần)  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4. Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **3. Biện pháp tu từ:**  **a) So sánh:**  Phép so sánh là đối chiếu sự vật, sự việc, hiện tượng này với sự vật, sự việc, hiện tượng khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **b) Điệp ngữ.**  Điệp ngữ là một biện pháp tu từ chỉ việc lặp đi, lặp lại một từ hoặc một cụm từ nhiều lần trong một câu nói, đoạn văn, đoạn thơ, rộng hơn là trong một bài thơ hay một bài văn.  Mục đích là để gây sự chú ý, liệt kê, nhấn mạnh tính chất của sự vật – hiện tượng.  VD: trong bài Bài thơ vê tiểu đội xe không kinh của Phạm Tiến Duật có đoạn như sau:  “Nhìn thấy gió xoa vào mắt đắng  Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  Như sa như ùa vào buồng lái…” | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** | | |
| ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  ***c) Sản phẩm:*** Bài tập của HS  ***d) Tổ chức thực hiện*** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **Bài 1**:  - “phồn hoa” : cảnh sống giàu có, xa hoa  - “phồn vinh” : miêu tả đất nước ở vào giai đoạn giàu có, thịnh vượng.  = > câu thơ này chỉ cảnh buôn bán tấp nập, giàu có của mảnh đất kinh thành xưa nên dùng từ “phồn hoa” là thích hợp nhất.  b. So sánh: phố – mắc cửi, đường – bàn cơ => Tác dụng: tính chất sầm uất, đông vui của phố thị.  c.“ngẩn ngơ” : trạng thái bị cuốn hút đến ngỡ ngàng của tác giả trước vẻ xa hoa, sầm uất của phố phường.  d. “bút hoa” : tài năng xuất sắc của người làm nên bài thơ  => sử dụng từ này có ý nghĩa và hay hơn so với từ “bút đây”. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và tìm câu có biện pháp điệp từ.  **GV** hướng dẫn HS phát hiện ra câu có biện pháp điệp ngữ và phân tích tác dụng của biện pháp?  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm của mình.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **Bài 2**  a. Điệp từ “sẵn” => có nhiều đến mức cần bao nhiêu cũng có thể có ngay bấy nhiêu, nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười.  b. Tác giả sử dụng biện pháp điệp từ “sẵn” nhằm nhấn mạnh tính chất giàu có của thiên nhiên Tháp Mười. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh nhất  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thể lệ trò chơi:   * Cả lớp chia thành 2 nhóm. * Gv trình chiếu câu hỏi lên bảng. * Trong vòng 2p các đội hội nhóm với nhau và tìm câu trả lời. * Hết thời gian qui định, các nhóm cử đại diện lên trả lời. Ai trả lời đúng và nhanh nhất giành chiến thắng. * HS đọc bài tập và họp nhóm thảo luận.   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * HS trình bày sản phẩm của mình. * GV theo dõi, ghi nhận kết quả.   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **Bài 3. Tìm từ ở cột B có nghĩa phù hợp với các chỗ trống trong câu ở cột A**  1e – 2g – 3h – 4k – 5i – 6a – 7b – 8c – 9đ – 10d |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi:  Xác định và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong bài tập 4  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Họp nhóm và hoàn thiện các bài tập được giao.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình. | | **Bài 4.** Các từ láy trong đoạn văn: dân dã, mộc mạc, tha thiết, thiết tha, bâng khuâng, ngọt ngào, ngắn ngủi, xao xuyến.  =>   * Nhấn mạnh sự chất phác, mộc mạc thôn quê của bài ca dao * Giúp người đọc hinh dung rõ hơn tâm trạng, cảm xúc của tác giả đối với bài ca dao. |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** | | |
| **a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực viết và sử dụng CNTT trong học tập.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện**  **Viết ngắn**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách bảo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: Tìm các hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh để làm một tập ảnh. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem.  **HS** tìm các hình ảnh về quê hương Việt Nam và viết thành đoạn văn.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | | |
| **Tìm tòi bổ sung** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy tìm thêm ví dụ các bài thơ được sáng tác bằng thể thơ lục bát và chỉ ra các yếu tố của thể thơ trong bài thơ đó?  - Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài tiếp theo . | | |

**IV. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**1. Bài vừa học:**

**-** Biết đượccác loại từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết cách sử dụng từ láy, nghĩa của từ, biện pháp tu từ trong câu.

**2. Bài sắp học**: **Bài 3: VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG (tt)**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: VĂN BẢN: HOA BÌM**

**- Nguyễn Đức Mậu-**

- Đôi nét về tác giả - tác phẩm

- Biết được một số yếu tố của thể thơ lục bát (số tiếng, số dòng, thanh điệu, vần, nhịp).

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.